UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3676 /TB-SGDĐT	*Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2023*

THÔNG BÁO
Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông (THPT) Nguyễn Du - Thanh Oai
Mã chương: 422

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm (Thông tư số 137/2017/TT-BTC); Quyết định số 554/QĐ-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 137/2017/TT-BTC;

Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 06/9/2023 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai,

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm quyết toán vốn xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung) của Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai như sau:

I. PHẦN SỐ LIỆU

1. Số liệu quyết toán

a) Thu phí, lệ phí: Không phát sinh.

b) Quyết toán chi ngân sách

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 43.546.400 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 17.882.457.000 đồng, trong đó:
+ Dự toán giao đầu năm: 14.091.531.000 đồng;
+ Dự toán bổ sung trong năm: 3.790.926.000 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 15.680.048.000 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 15.680.048.000 đồng;
- Kinh phí huỷ dự toán trong năm: 114.914.400 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 2.131.041.000 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không phát sinh.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

- Đơn vị thực hiện quyết toán ngân sách theo nhiệm vụ chi theo dự toán được giao;

- Kinh phí quyết toán giảm so với dự toán giao trong năm là 2.245.955.400 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí huỷ dự toán là 114.914.400 đồng, bao gồm: Chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật do số học sinh được hưởng chế độ thực tế giảm so với số học sinh dự kiến khi lập dự toán là 10.264.000 đồng; Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 (Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND) là 104.650.400 đồng;

+ Kính phí chuyển nguồn sang năm sau là 2.131.041.000 đồng, bao gồm: Kinh phí tự chủ/nhiệm vụ thường xuyên là 3.517.000 đồng; Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ là 483.000 đồng; Kinh phí hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông của Thành phố năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố là 2.880.000 đồng; Kinh phí ngân sách cấp phần chênh lệch giữa mức học phí năm học 2022-2023 và mức học phí thực tế học sinh phải nộp năm học 2021-2022 theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố là 1.060.960.000 đồng; Kinh phí mua sắm ngoài định mức là 1.063.201.000 đồng;

- Tổng số biên chế có mặt đầu năm 76 người/số biên chế theo chỉ tiêu biên chế được giao 84 người; cuối năm có mặt 76 người.

II. NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

1. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 3.338.798.630 đồng.

2. Trích lập các Quỹ: 2.957.902.578 đồng.

3. Kinh phí dành thực hiện nguồn cải cách tiền lương: 351.029.200 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b)

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

a) Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán

Đơn vị nộp báo cáo đảm bảo đúng thời gian quy định.

b) Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán

Đơn vị đã thực hiện in đầy đủ theo quy định.

c) Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

- Về lập dự toán: Đơn vị đã thực hiện lập dự toán ngân sách nhà nước theo quy định;

- Chế độ thu:

+ Đơn vị đã thực hiện thu học phí, dạy thêm học thêm, tiền nước uống. Khoản thu học phí đơn vị đã viết hoá đơn trả cho học sinh theo chế độ quy định;

+ Thu học phí năm 2022 đơn vị thực hiện thu học phí 9 tháng trong đó: năm học 2021-2022 thu 5 tháng (thu 03 tháng theo hình thức học trực tuyến, 02 tháng theo hình thức học trực tiếp) đơn vị chưa lưu đầy đủ hồ sơ có liên quan về thời gian học trực tuyến, trực tiếp làm căn cứ thu học phí; năm học 2022-2023 thu 4 tháng theo hình thức học trực tiếp (còn có một số lớp chưa thu đủ 4 tháng học phí theo đúng chế độ quy định), đơn vị báo cáo đã thu bổ sung vào năm 2023;

- Chế độ chi tiêu: Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện kiểm soát chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Kinh phí hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông của Thành phố năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND; Kinh phí ngân sách cấp phần chênh lệch giữa mức học phí năm học 2022-2023 và mức học phí thực tế học sinh phải nộp năm học 2021-2022 theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND, đơn vị để dư dự toán sang năm 2023 (do chưa thực hiện kịp thời trong năm 2022).

- Hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước: Đơn vị đã thực hiện theo chế độ quy định;

Đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc chấp hành chính sách, chế độ của Nhà nước, về tính chính xác, trung thực của thông tin số liệu quyết toán và tính hợp pháp của chứng từ cung cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Kiến nghị

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai

- Kiểm tra, rà soát việc thanh toán các chế độ đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định, trường hợp phát hiện sai sót thì thực hiện điều chỉnh bổ sung trong năm 2023; Riêng đối với nội dung thanh toán chế độ tiền lương dạy thêm giờ đối với giáo viên, chế độ hưởng phụ cấp ưu đãi đối với chức danh hiệu trưởng, phó hiệu trưởng yêu cầu đơn vị thực hiện thanh toán theo đúng chế độ quy định hiện hành và lưu đầy đủ các hồ sơ liên quan. Kiểm tra việc thực hiện thanh toán chế độ tiền công tác phí đảm bảo đúng các văn bản quy định hiện hành (lưu ý đối với cán bộ giáo viên được Sở Giáo dục và Đào tạo cử đi làm công tác thi);

- Thực hiện thu, quản lý học phí và các khoản thu khác (nếu có) theo đúng chế độ quy định;

- Thanh toán tiền thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giáo viên của đơn vị thực hiện theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản quy định hiện hành, lưu đầy đủ các hồ sơ có liên quan;

- Kiểm tra, rà soát việc thực chế độ đối với học sinh như: Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí và các chế độ liên quan khác đảm bảo

thực hiện đầy đủ đúng chế độ, trường hợp phát hiện sai sót của năm 2022 thực hiện điều chỉnh, bổ sung chi trả kịp thời trong năm 2023;

- Thực hiện kinh phí hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông của Thành phố năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND; Kinh phí ngân sách cấp phần chênh lệch giữa mức học phí năm học 2022-2023 và mức học phí thực tế học sinh phải nộp năm học 2021-2022 theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định;

- Kinh phí hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND: Đơn vị chịu trách nhiệm về việc trả tiền đến từng học sinh theo đúng chế độ quy định;

- Đối với việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết (nếu có) thực hiện đầy đủ theo đúng quy định;

- Về dự án sửa chữa sử dụng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách thành phố năm 2022: Thực hiện theo văn bản số 5024/STC-TCHCSN ngày 30/8/2023 của Sở Tài chính, theo đó công tác phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành kể từ năm 2022 sẽ thực hiện theo quy định, sau khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên;

- Thực hiện tính các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của cán bộ, giáo viên, nhân viên và lao động hợp đồng đảm bảo đúng chế độ quy định;

- Thực hiện theo dõi hạch toán các khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị kịp thời đảm bảo hồ sơ, chứng từ theo đúng thực tế phát sinh tại đơn vị và chế độ quy định hiện hành;

- Thực hiện hạch toán các nội dung chi theo đúng mục lục ngân sách nhà nước quy định;

- Thực hiện công khai:

+ Công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 sau khi có Thông báo xét duyệt quyết toán của Sở Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định;

+ Thực hiện công tác công khai của đơn vị đảm bảo đầy đủ và đúng các văn bản quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai;
- Sở Tài chính;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Đ/c PGĐ Nguyễn Quang Tuấn;
- Lưu: VT, KHTC.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Quang Tuấn

Mẫu biểu 2b

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2022

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 3676/TB-SGDĐT ngày 10 / 10/ 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
A	B	C
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
01	Doanh thu (01=02+03+04)	15.871.029.590
02	a. Từ NSNN cấp	15.871.029.590
03	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
04	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
05	Chi phí (05=06+07+08)	12.913.127.012
06	a. Chi phí hoạt động	12.913.127.012
07	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
08	c. Chi phí hoạt động thu phí	
09	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	2.957.902.578
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
10	Doanh thu	2.325.770.390
11	Chi phí	1.945.715.837
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	380.054.553
	Hoạt động tài chính	
20	Doanh thu	1.130.098
21	Chi phí	288.599
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	841.499
	Hoạt động khác	
30	Thu nhập khác	
31	Chi phí khác	
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	
40	**Chi phí thuế TNDN**	
41	**Các khoản phải nộp NSNN khác**	
50	**Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)**	**3.338.798.630**
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
52	Phân phối cho các quỹ	2.957.902.578
53	Kinh phí cải cách tiền lương	351.029.200

Mẫu biểu 2c

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2022

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 3676/TB-SGDĐT ngày 10 / 10 / 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai

Chương: 422

Nguồn: Ngân sách Tỉnh

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC							
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC							
01	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)**	**43.546.400**	**43.546.400**	**43.546.400**				
02	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)*							
03	- Kinh phí đã nhận							
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc							
05	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)*	*43.546.400*	*43.546.400*	*43.546.400*				
06	- Kinh phí đã nhận							
07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	43.546.400	43.546.400	43.546.400				
08	**Dự toán được giao trong năm (08=09+10)**	**17.882.457.000**	**17.882.457.000**	**17.882.457.000**				
09	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	*13.381.144.000*	*13.381.144.000*	*13.381.144.000*				
10	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*4.501.313.000*	*4.501.313.000*	*4.501.313.000*				
11	**Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)**	**17.926.003.400**	**17.926.003.400**	**17.926.003.400**				
12	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)*	*13.381.144.000*	*13.381.144.000*	*13.381.144.000*				
13	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)*	*4.544.859.400*	*4.544.859.400*	*4.544.859.400*				
14	**Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)**	**15.680.048.000**	**15.680.048.000**	**15.680.048.000**				
15	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	*13.377.144.000*	*13.377.144.000*	*13.377.144.000*				
16	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*2.302.904.000*	*2.302.904.000*	*2.302.904.000*				

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
17	**Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)**	**15.680.048.000**	**15.680.048.000**	**15.680.048.000**				
18	*- Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	*13.377.144.000*	*13.377.144.000*	*13.377.144.000*				
19	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*2.302.904.000*	*2.302.904.000*	*2.302.904.000*				
20	**Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)**	**114.914.400**	**114.914.400**	**114.914.400**				
21	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)*							
22	- Đã nộp NSNN							
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)							
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)							
25	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)*	*114.914.400*	*114.914.400*	*114.914.400*				
26	- Đã nộp NSNN							
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)							
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	114.914.400	114.914.400	114.914.400				
29	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)**	**2.131.041.000**	**2.131.041.000**	**2.131.041.000**				
30	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)*	*4.000.000*	*4.000.000*	*4.000.000*				
31	- Kinh phí đã nhận							
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4.000.000	4.000.000	4.000.000				
33	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)*	*2.127.041.000*	*2.127.041.000*	*2.127.041.000*				
34	- Kinh phí đã nhận							
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	2.127.041.000	2.127.041.000	2.127.041.000				
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ							
36	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang**							
37	**Dự toán được giao trong năm**							
38	**Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)**							
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng							
40	- Số đã ghi thu, ghi chi							
41	**Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)**							
42	**Kinh phí đề nghị quyết toán**							
43	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)**							
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI							
44	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)**							
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng							

Mẫu biểu 2c

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2022

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 3676/TB-SGDĐT ngày 10 / 10 / 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai

Nguồn: Ngân sách Tỉnh

Phần II - CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai					
					Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				Tổng số:	**15.680.048.000**	**15.680.048.000**				
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	**13.377.144.000**	**13.377.144.000**				
		6000		**Tiền lương**	**5.009.722.500**	**5.009.722.500**				
			6001	Lương theo ngạch, bậc	5.009.722.500	5.009.722.500				
		6050		**Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng**	**189.791.900**	**189.791.900**				
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	189.791.900	189.791.900				
		6100		**Phụ cấp lương**	**2.399.409.100**	**2.399.409.100**				
			6101	Phụ cấp chức vụ	67.262.000	67.262.000				
			6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	29.154.400	29.154.400				
			6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	7.152.000	7.152.000				
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.459.535.400	1.459.535.400				
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	16.450.000	16.450.000				
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	741.853.800	741.853.800				
			6123	Phụ cấp công tác Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội	26.820.000	26.820.000				

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai					
					Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6149	Phụ cấp khác	51.181.500	51.181.500				
		6200		**Tiền thưởng**	**2.500.000**	**2.500.000**				
			6201	Thưởng thường xuyên	2.500.000	2.500.000				
		6250		**Phúc lợi tập thể**	**8.100.000**	**8.100.000**				
			6299	Chi khác	8.100.000	8.100.000				
		6300		**Các khoản đóng góp**	**1.411.350.700**	**1.411.350.700**				
			6301	Bảo hiểm xã hội	1.051.475.500	1.051.475.500				
			6302	Bảo hiểm y tế	180.164.200	180.164.200				
			6303	Kinh phí công đoàn	120.144.100	120.144.100				
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	59.566.900	59.566.900				
		6500		**Thanh toán dịch vụ công cộng**	**154.038.653**	**154.038.653**				
			6501	Tiền điện	154.038.653	154.038.653				
		6550		**Vật tư văn phòng**	**123.196.000**	**123.196.000**				
			6551	Văn phòng phẩm	10.550.000	10.550.000				
			6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	75.190.000	75.190.000				
			6553	Khoán văn phòng phẩm	8.200.000	8.200.000				
			6599	Vật tư văn phòng khác	29.256.000	29.256.000				
		6600		**Thông tin, tuyên truyền, liên lạc**	**36.100.769**	**36.100.769**				
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	7.900.769	7.900.769				
			6618	Khoán điện thoại	28.200.000	28.200.000				
		6700		**Công tác phí**	**37.887.000**	**37.887.000**				
			6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	18.877.000	18.877.000				

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai					
					Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6702	Phụ cấp công tác phí	10.910.000	10.910.000				
			6704	Khoán công tác phí	8.100.000	8.100.000				
		6750		**Chi phí thuê mướn**	**312.605.000**	**312.605.000**				
			6751	Thuê phương tiện vận chuyển	17.000.000	17.000.000				
			6757	Thuê lao động trong nước	258.000.000	258.000.000				
			6799	Chi phí thuê mướn khác	37.605.000	37.605.000				
		6900		**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**79.584.000**	**79.584.000**				
			6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	6.240.000	6.240.000				
			6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	28.144.000	28.144.000				
			6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	45.200.000	45.200.000				
		7000		**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành**	**559.876.800**	**559.876.800**				
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	81.924.000	81.924.000				
			7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	15.300.000	15.300.000				
			7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	9.484.800	9.484.800				
			7049	Chi khác	453.168.000	453.168.000				
		7050		**Mua sắm tài sản vô hình**	**7.299.000**	**7.299.000**				
			7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	7.299.000	7.299.000				
		7750		**Chi khác**	**87.780.000**	**87.780.000**				
			7756	Chi các khoản phí và lệ phí	7.051.000	7.051.000				
			7761	Chi tiếp khách	4.600.000	4.600.000				

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai					
					Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	31.817.000	31.817.000				
			7799	Chi các khoản khác	44.312.000	44.312.000				
		7950		**Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định**	**2.957.902.578**	**2.957.902.578**				
			7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	860.000.000	860.000.000				
			7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	1.058.000.000	1.058.000.000				
			7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	300.000.000	300.000.000				
			7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	739.902.578	739.902.578				
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	**2.302.904.000**	**2.302.904.000**				
		6150		**Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học**	**382.904.000**	**382.904.000**				
			6151	Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)	11.920.000	11.920.000				
			6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	36.600.000	36.600.000				
			6199	Các khoản hỗ trợ khác	334.384.000	334.384.000				
		6900		**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**1.920.000.000**	**1.920.000.000**				
			6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	1.920.000.000	1.920.000.000				